

Bản án số: 3978/2024/HC-ST

Ngày: 26/8/2024

V/v khiếu kiện hành vi hành chính

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Khắc Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương;

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số: 08/2023/TLST-HC ngày 12/10/2023 về việc: “*Khiếu kiện về hành vi hành chính*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6840/2024/QĐST-HCST ngày 19 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Lê Thị Ánh

Địa chỉ: 27A/17 khu phố Đ, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: ông Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ F, khu phố H, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có mặt.

Người bị kiện: Chủ tịch ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Bà Đoàn Thụy Kiều P1, sinh năm 1986

Địa chỉ: số G, Quốc lộ A, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phần đất có diện tích 998m² nằm trong diện tích 3.448m² tọa lạc thửa 47,48 tờ

43 (cũ một phần thửa 391, 392 tờ 7) phường H, thành phố T có nguồn gốc của ông Huỳnh Tấn D nhận chuyển nhượng từ trước 1975.

Sau năm 1975, ông D cho em ruột là ông Huỳnh Kim D1 và bà Huỳnh Kim L canh tác, sau đó ông D1 và bà L dùng phần đất này hùn vốn làm ăn với ông Lê Văn X và ông Trương Văn Đ để trồng mía từ năm 1980 đến năm 1985.

Đến năm 1985, Ủy ban xã H tiếp thu giao cho Tập đoàn A quản lý. Sau đó Tập đoàn khoán cho ông Lê Văn X và ông Trương Văn T canh tác. Đến năm 1990, ông T1 giao lại cho Tập Đ1 rồi Tập đoàn giao lại cho ông X canh tác.

Đến năm 1992, ông Huỳnh H (con ông D) nộp đơn tại Ủy ban xã H để xin lại đất đồng thời ông H và ông X có thương lượng theo đó ông X đồng ý giao lại toàn bộ 3.448m² cho ông H nhưng do ông X có hoàn cảnh khó khăn nên ông H tiếp tục giao lại cho ông X canh tác.

Đến ngày 03/9/1997, Ủy ban quận T có Quyết định 10/QĐ-UB-QLĐT về việc không công nhận thỏa thuận năm 1992 về việc giao trả đất giữa ông H và ông X và giao cho ông X tiếp tục sử dụng phần đất trên. Ông H có khiếu nại đến Sở Địa chính, ngày 23/01/1998, Sở Địa chính ban hành quyết định số 57/QĐ-ĐC-TTr về việc giải quyết khiếu nại công nhận sự thỏa thuận của ông X giao lại 2.450m² cho ông H, bằng diện tích của bà Trần Thị H1 (bà nội của ông H) đã mua của ông T2 năm 1942.

Đối với phần đất còn lại 998m², tại Biên bản làm việc ngày 13/4/1998, Ủy ban nhân dân phường H tiếp tục giao cho Hợp tác xã quản lý, nếu sau này ông H xin lại và được cơ quan nhà nước chấp thuận thì ông X không được nhận tiền đền bù thêm từ ông H. Cùng năm, Hợp tác xã có hợp đồng giao khoán cho bà Thượng Thị P2 sử dụng, đến 10/1999 bà P2 tự nguyện cắt lại 153m² để xây dựng Ban điều hành khu phố D, phần còn lại bà P2 sử dụng cho đến nay.

Ngày 17/4/2009, bà Lê Thị Á (vợ ông Huỳnh H) gửi đơn tới Ủy ban nhân dân quận T về việc xin được giao lại phần đất 998m² nêu trên. Ủy ban nhân dân quận T đã ban hành Quyết định số 359/QĐ-UBND về việc giải quyết kiến nghị xin lại đất của bà Á với nội dung: “*Không công nhận nội dung đơn xin lại đất của bà Lê Thị Á*” (nhận vào ngày 02/3/2011).

Bà Á làm đơn khiếu nại quyết định nêu trên. Đến ngày 11/8/2011, Ủy ban nhân dân quận T đã ban hành Quyết định số 4514/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Á với nội dung: “*Bác đơn khiếu nại của bà Lê Thị Á đề nghị Ủy ban nhân dân Quận T3, hủy bỏ Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận T về việc giải quyết kiến nghị xin lại đất tọa lạc tại phường H; không công nhận việc xin sử dụng phần đất, diện tích 998 m² thuộc thửa 391-1, 392-2, tờ bản đồ số 7 thuộc phường H vì không có cơ sở giải quyết*”. Bà Á có khiếu nại quyết định nêu trên đến ngày 29/01/2015, Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh ra Thông báo số 06/TTTP.P5 về việc khiếu nại của bà Á đối với Quyết định số 4514/QĐ-UBND ngày 11/8/2011 của Ủy ban nhân dân quận T đã hết thời hiệu.

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng của người khởi kiện xác định:

Theo quy định tại khoản 24 Điều 3, Điều 202, Điều 203 luật Đất đai năm 2013, việc hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất nêu trên là thuộc thẩm quyền của Chủ tịch ủy ban nhân dân phường H. Về điều kiện tranh chấp theo hướng dẫn tại

Điều 88 Nghị định 43 ngày 15/5/2014 quy định chỉ cần có đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp là vụ việc đủ điều kiện để được Ủy ban phường thụ lý hòa giải tranh chấp đất do nội dung đơn tranh chấp chưa được cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

Do vậy, Ủy ban nhân dân phường H ban hành văn bản số: 1207/UBND ngày 22 tháng 9 năm 2023 trái pháp luật nên yêu cầu Tòa án buộc Chủ tịch ủy ban nhân dân phường H tổ chức hòa giải cơ sở đối với tranh chấp đất đai theo đơn đề nghị của bà Lê Thị Ánh .

Người bị kiện có đại diện xác định:

Ngày 27/4/2020, bà Á nộp đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai với bà Thượng Thị P2, đề nghị “UBND phường cứu xét, giải quyết cho bà nhận diện tích đất còn lại là 565 m²” không yêu cầu đối với phần đất còn lại. Ngày 25/6/2020, UBND phường ban hành Văn bản số 700/UBND về việc xử lý đơn của bà Á với nội dung không có cơ sở thụ lý đơn của bà Á do nội dung đơn đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 07/9/2023, Ủy ban nhân dân phường tiếp tục nhận được đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai của bà Á với bà Thượng Thị P2 và Ban điều hành khu phố 4 liên quan đến phần đất có diện tích 1.131,9m² bao gồm hai phần đất có diện tích 131,5 m² (BDDHKP4) thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 43 (Tài liệu 2005) và diện tích 1000,4 m² (bà P2) thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 43 (Tài liệu 2005), phường H. Ngày 22/9/2023, Ủy ban nhân dân phường B Văn bản số 1207/UBND về việc trả lời đơn của bà Á với nội dung không có cơ sở hòa giải tranh chấp đất đai theo đề nghị của bà Á do khu đất hiện là đất do Nhà nước trực tiếp quản lý và phần đất còn lại đã có quyết định giải quyết của Ủy ban nhân dân quận T.

Đơn đề nghị hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của ủy ban nhân dân phường H nhưng không đủ điều kiện để hòa giải do nội dung đơn tranh chấp đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 6 Thông tư 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 hướng dẫn các quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản án và người có đơn không có quá trình sử dụng đất, không có các giấy tờ theo quy định. Do vậy người bị kiện không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

-Về tố tụng: Toà án thụ lý vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, các quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng theo các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vẫn còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

-Về nội dung: do yêu cầu của người khởi kiện là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hành vi hành chính của chủ tịch ủy ban nhân dân phường H thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 31 Luật Tố tụng hành chính. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Tp ..

Người khởi kiện bà Lê Thị Á là người giám hộ của ông Huỳnh H (*theo QĐ tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự ngày 11/6/2014*). Căn cứ Điều 136 Bộ luật dân sự năm 2015, thì người giám hộ là người có quyền đại diện cho người mà mình giám hộ; Căn cứ Điều 60, 115, 117 Luật tố tụng Hành chính thì người giám hộ được thực hiện các quyền, nghĩa vụ của đương sự mà mình là đại diện. Như vậy, việc bà Á trực tiếp đứng đơn khởi kiện vụ án hành chính liên quan đến người được giám hộ ông Huỳnh H là đúng chủ thể người khởi kiện có quyền khởi kiện

Xét người khởi kiện kiện với hành vi hành chính của chủ tịch ủy ban nhân dân phường H nên Hội đồng xét xử không đưa các con ông H và những người đang trực tiếp sử dụng đất tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Về quá trình giải quyết tranh chấp đất:

Ngày 17/4/2009, bà Lê Thị Á (*vợ ông Huỳnh H*) gửi đơn tới ủy ban nhân dân quận T về việc xin được giao lại phần đất 998m² nêu trên. Quyết định số 359/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân quận T về việc giải quyết kiến nghị xin lại đất của bà Á với nội dung: “*Không công nhận nội dung đơn xin lại đất của bà Lê Thị Á*” (Bà Á nhận quyết định vào ngày 02/3/2011). Bà Á làm đơn khiếu nại quyết định nêu trên.

Ngày 11/8/2011, Ủy ban nhân dân quận T đã ban hành Quyết định số 4514/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Á với nội dung: “*Bác đơn khiếu nại của bà Lê Thị Á đề nghị Ủy ban nhân dân Quận T3, hủy bỏ Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận T về việc giải quyết kiến nghị xin lại đất tọa lạc tại phường H; không công nhận việc xin sử dụng phần đất, diện tích 998 m² thuộc thửa 391-1, 392-2, tờ bản đồ số 7 thuộc phường H vì không có cơ sở giải quyết*”. Bà Á đã nhận được Quyết định vào ngày 17/8/2011 nhưng bà Á không tiếp tục khiếu nại theo quy định pháp luật.

Ngày 29/01/2015, Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh có Thông báo số 06/TTTP-P5 về việc xác định đơn khiếu nại của bà Á đã hết thời hiệu.

Ngày 07/9/2023, bà Á có đơn đề nghị hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất đối với những người đang sử dụng phần đất nêu trên. Ngày 22/9/2023, Ủy ban nhân dân phường H ban hành văn bản số 1207/UBND về việc từ chối không tiến hành hòa giải.

Căn cứ theo quy định tại Điều 202 luật Đất đai năm 2013 và hướng dẫn tại Điều 88 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 xác định thẩm quyền hòa giải tranh chấp đất đai thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân có trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Tuy nhiên, Căn cứ theo Điều 44 Luật khiếu nại năm 2011 được hướng dẫn tại điểm a, b khoản 2 Điều 6 Thông tư 07/2014/TT-TTTP ngày 31/10/2014 về quy trình

xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh thì nội dung tranh chấp quyền sử dụng đất nêu trên đã có Quyết định giải quyết của Cơ quan có thẩm quyền và Quyết định giải quyết khiếu nại cũng đã có hiệu lực nên đơn khiếu nại tranh chấp đất của bà Á thuộc trường hợp không đủ điều kiện để xử lý.

Do vậy, yêu cầu của người khởi kiện là không có cơ sở.

[3] Về án phí: Người khởi kiện thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; Điều 31; 60, 115, 117 Luật tổ tụng Hành chính;

Căn cứ Điều 202 luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 88 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về hướng dẫn luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 44 Luật khiếu nại năm 2011.

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Á về việc buộc Chủ tịch ủy ban nhân dân phường H tổ chức hòa giải cơ sở đối với tranh chấp đất đai theo đơn đề nghị của bà Lê Thị Ánh .

2. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP . HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP . HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Khắc Hưng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

